

BÀI: SUPERLATIVE – 3E. GRAMMAR

UNIT 3: ALL ABOUT FOOD

MÔN: TIẾNG ANH – RIGHT ON! - LỚP 6



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Trả lời câu hỏi phần Superlative – 3e. Grammar trang 61 Tiếng Anh 6 Right on!

Superlative

(so sánh nhất)

	adjective	comparative	superlative
short adjectives	small	smaller (than)	the smallest (of/in)
	large	larger (than)	the largest (of/in)
	big	bigger (than)	the biggest (of/in)
	tasty	tastier (than)	the tastiest (of/in)
long adjectives	expensive	more expensive (than)	the most expensive (of/ in)

Note: clever, common, friendly, narrow, form their superlative with *-est* or *the most*
friendly – the most friendly/ the most friendly

Irregular adjectives:

good – the best

bad – the worst

(a) little – the least

many / much – the most

Special case: a lot of – the most- This is **the friendliest** restaurant in town.

(Đây là nhà hàng thân thiện nhất trong thị trấn.)

- It is **the most** expensive as well.

(Nó cũng là nhà hàng đắt nhất nữa.)

4. Read the theory box. How do we form the superlative degree of short/long adjectives?**Which words do we use with an adjective in the superlative form?**

(Đọc bảng lý thuyết. Chúng ta hình thành dạng so sánh nhất của tính từ ngắn/ dài như thế nào? Chúng ta sử dụng từ nào với dạng tính từ so sánh nhất?)

Lời giải chi tiết:- We form the superlative degree a short adjective by adding *-est* after the adjective.

(Chúng ta hình thành dạng so sánh nhất của một tính từ ngắn bằng cách thêm **-est** vào sau tính từ.)

- We form the superlative degree a long adjective by adding **the most** before the adjective.

(Chúng ta hình thành dạng so sánh nhất của một tính từ dài bằng cách thêm **the most** vào trước tính từ.)

- We use **the** with an adjective in the superlative form.

(Chúng ta sử dụng **the** với tính từ ở dạng so sánh nhất.)

5. Write the superlative form.

(Viết dạng so sánh nhất.)

1. cheap – the cheapest	5. difficult - _____
2. clever - _____	6. spicy - _____
3. good - _____	7. a lot of - _____
4. crowded - _____	8. a little - _____

Lời giải chi tiết:

1. cheap – the cheapest
2. clever – the cleverest / the most clever
3. good – the best
4. crowded – the most crowded
5. difficult – the most difficult
6. spicy – the spiciest
7. a lot of – the most
8. a little – the least

6. Put the adjectives in brackets into the superlative form.

(Chia tính từ trong ngoặc ở dạng so sánh nhất.)

1. Marco's is _____ (popular) restaurant in town.
2. This is _____ (easy) dish ever!
3. This café is _____ (old) in the area.
4. This is _____ (good) place to eat Thai fish pie.
5. This is _____ (delicious) dish on the menu.

Lời giải chi tiết:

1. the most popular	2. the easiest	3. the oldest	4. the best	5. the most delicious
---------------------	----------------	---------------	-------------	-----------------------

1. Marco's is **the most popular** restaurant in town.

(Marco's là nhà hàng nổi tiếng nhất trong thị trấn.)

2. This is **the easiest** dish ever!

(Đây là món ăn dễ nhất từ trước đến nay!)

3. This café is **the oldest** in the area.

(*Quán cà phê này là lâu đời nhất trong khu vực.*)

4. This is **the best** place to eat Thai fish pie.

(*Đây là nơi tốt nhất để ăn bánh cá Thái Lan.*)

5. This is **the most delicious** dish on the menu.

(*Đây là món ăn ngon nhất trong thực đơn.*)

7. Put the adjectives in brackets into the comparative or superlative forms.

(*Đặt tính từ trong ngoặc ở dạng sánh hơn hoặc so sánh nhất của tính từ.*)

1. Mario's is _____ (expensive) restaurant in the area.

2. Fruit juices are _____ (healthy) than sugary drinks.

3. This cake recipe needs _____ (many) eggs than that one.

4. Ramsay is one of _____ (famous) chefs in the world.

5. Thai fish pie is _____ (tasty) meal of all.

Lời giải chi tiết:

1. the most expensive	2. healthier	3. more	4. the most famous	5. the tastiest
-----------------------	--------------	---------	--------------------	-----------------

1. Mario's is **the most expensive** restaurant in the area.

(*Mario's là nhà hàng đắt nhất trong khu vực.*)

2. Fruit juices are **healthier** than sugary drinks.

(*Nước hoa quả tốt cho sức khỏe hơn đồ uống có đường.*)

3. This cake recipe needs **more** eggs than that one.

(*Công thức làm bánh này cần nhiều trứng hơn công thức kia.*)

4. Ramsay is one of **the most famous** chefs in the world.

(*Ramsay là một trong những đầu bếp nổi tiếng nhất thế giới.*)

5. Thai fish pie is **the tastiest** meal of all.

(*Bánh cá Thái là bữa ăn ngon nhất trong tất cả.*)

8. Use the adjectives in Exercise 5 in the comparative and superlative form in sentences of your own.

(*Sử dụng các tính từ ở bài 5 ở dạng so sánh hơn và so sánh nhất trong câu của riêng em.*)

Lời giải chi tiết:

1. My T-shirt is cheaper than my brother's.

(*Áo phông của tôi rẻ hơn của anh trai tôi.*)

2. My brother is the cleverest person in his class.

(*Anh trai tôi là người thông minh nhất trong lớp của anh ấy.*)

3. I'm the best child in my family.

(Tôi là đứa con ngoan nhất trong gia đình.)

4. My neighbourhood is more crowded than my best friend's.

(Khu phố của tôi đông đúc hơn khu bạn thân của tôi.)

5. Maths is more difficult than English.

(Môn Toán khó hơn tiếng Anh.)

6. Pepper is spicier than ginger.

(Tiêu cay hơn gừng.)

7. My mother has the most money in my family.

(Mẹ tôi là người có nhiều tiền nhất trong gia đình.)

8. My sister eats the least of three of us.

(Em gái tôi ăn ít nhất trong ba người chúng tôi.)